TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ QUAO** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28/04/2022
"V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Danh Thị Kiều Oanh
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lương Thị Hồng Hạnh
Bà Trương Kim Ánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Trong ngày 28 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 134/2022/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2022 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2022 giữa:

* Nguyên đơn: chị Lê Ngọc B, sinh năm 1978
Địa chỉ: ấp 1, xã V, huyện G, Kiên Giang.

* Bị đơn: anh Phương Thanh Đ, sinh năm 1978
Địa chỉ: ấp 2, xã V, huyện G, Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 09/3/2022, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn chị Lê Ngọc B như sau:

Chị và anh Đ có quen biết, tìm hiểu nhau được thời gian thì quyết định sống chung với nhau vào năm 2000, có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Vợ chồng chị sống hạnh phúc đến khoảng năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do hai người không hợp, anh Đ không lo làm ăn mà còn thường xuyên chửi chị vô cớ nên chị và anh Đ đã không còn sống chung với nhau từ năm 2021 đến nay. Chị xét thấy không thể tiếp tục sống chung với anh Đ nữa nên chị quyết định ly hôn với anh Đ. Chị và anh Đ có một người con chung tên Phương Thanh X, sinh năm 2001. Về tài sản chung và nợ chung không có.

Tại phiên tòa chị B yêu cầu Tòa án giải quyết: Về hôn nhân chị yêu cầu ly hôn với anh Phương Thanh Đ. Về con chung tên Phương Thanh X đã trưởng thành trên 18

tuổi nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai cũng như biên bản hòa giải ngày 12/4/2022 bị đơn anh Phương Thanh Đ trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của vợ tên Lê Ngọc B về năm kết hôn, về con chung, tài sản chung, về nợ chung cũng như mâu thuẫn vợ chồng.

Về hôn nhân anh đồng ý ly hôn với chị Lê Ngọc B. Về con chung tên Phương Thanh X đã trưởng thành trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung là không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp của chị Lê Ngọc B và anh Phương Thanh Đ là tranh chấp về "Hôn nhân và gia đình" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Anh Phương Thanh Đ là bị đơn trong vụ án nhưng anh Đ có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh, xét việc vắng mặt anh Đ không gây trở ngại khi xét xử vụ án nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án vẫn được xét xử là phù hợp.

[2] Về hôn nhân: chị Lê Ngọc B và anh Phương Thanh Đ tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2000, anh chị có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian chung sống với nhau từ năm 2000 đến nay anh chị vẫn không thực hiện việc đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986. Tại phiên tòa, chị B cho rằng do hai người không hợp, anh Đ không lo làm ăn mà còn thường xuyên chửi chị vô cớ nên chị và anh Đ đã không còn sống chung với nhau từ năm 2021 đến nay. Chị xét thấy không thể tiếp tục sống chung với anh Đ nữa nên chị B khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Đ. Tại bản tự khai của anh Đ cũng đồng ý ly hôn với chị B. Do hôn nhân của anh chị không có đăng ký kết hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu ly hôn của chị; mà cần áp dụng Điều 53 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên không công nhận quan hệ giữa chị Lê Ngọc B và anh Phương Thanh Đ là quan hệ vợ chồng.

[3] Về con chung: chị B, anh Đ đều xác nhận có một người con chung tên Phương Thanh X, sinh năm 2001 đã trưởng thành trên 18 tuổi anh chị đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX miễn xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: chị B, anh Đ xác định là không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Án phí hôn nhân bằng 300.000đồng chị B phải nộp do chị có yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 8 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986; Điều 53 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Về hôn nhân không công nhận quan hệ giữa chị Lê Ngọc B và anh Phương Thanh Đ là quan hệ vợ chồng.

2. Về con chung, về tài sản chung và nợ chung: Miễn xét.

3. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: chị Lê Ngọc B phải nộp án phí là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006780 ngày 29/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, chị B đã nộp xong án phí HNST.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án ngày 28/4/2022. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-TAND tỉnh;
-VKS Gò Quao;
-Chi cục THA Gò Quao;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Danh Thị Kiều Oanh